TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS - ST
Ngày: 10/6/2025
V/v: " *Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồmcó:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Pì Sách**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Văn Hợp**;

Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà **Mai Thùy Dung** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2024, về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXX- ST, ngày 20 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐST-DS ngày 20/02/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15A/2025/QĐST-DS ngày 10/03/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15B/2025/QĐST-DS ngày 10/04/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 15C/2025/QĐST-DS ngày 10/05/2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị N,** sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Tổ 5, Khu phố Minh Long, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị H** (tên thường gọi: Ngọc), sinh năm: 1989;

Ông **Lâm Quốc Kh**, sinh năm:.....

Cùng địa chỉ: Khu phố Minh Lạc, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Th, tỉnh Kiên Giang.

(Bà N có mặt tại phiên tòa; ông Kh, bà H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:* Vào ngày 12/3/2024 tôi có cho vợ chồng ông Lâm Quốc Kh, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 1.073.000.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi ba triệu đồng), lãi suất 02 bên thỏa thuận với nhau là 2%/tháng, chị Hạnh (tên thường gọi: Ngọc) có viết biên nhận nợ cho tôi. Từ khi vay đến nay vợ, chồng ông Lâm Quốc Kh, Nguyễn Thị H không có đóng lãi, cũng như không trả số tiền gốc cho tôi như thỏa thuận. Nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, do đó tôi khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, kính mong Tòa án buộc vợ, chồng bà Nguyễn Thị H, ông Lâm Quốc Kh phải trả cho bà Phạm Thị N số tiền gốc là: 1.073.000.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi ba triệu đồng), đối với lãi suất bà Nâu không yêu cầu.

* Đối với đồng bị đơn ông Lâm Quốc Kh, bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ kể từ khi thụ lý vụ án như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa. Nhưng đồng bị đơn vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Nâu buộc đồng bị đơn có trách nhiệm liên đới trả cho bà Phạm Thị Nâu số tiền gốc là 1.073.000.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi ba

triệu đồng), đối với lãi suất tại phiên tòa bà Nâu không yêu cầu nên đề nghị HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu của bà Nâu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] - Về tố tụng:

[1.1] - Về thẩm quyền: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền đã vay. Đồng bị đơn ông Lâm Quốc Khánh, bà Nguyễn Thị Hạnh hiện đang cư trú tại khu phố Minh Lạc, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" và thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[1.2] - Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa bà Phạm Thị Nâu với ông Lâm Quốc Khánh, bà Nguyễn Thị Hạnh là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2] - Về nội dung: Nguyên đơn bà Phạm Thị Nâu khởi kiện yêu cầu ông Lâm Quốc Khánh, bà Nguyễn Thị Hạnh trả cho bà Nâu số tiền vay gốc là 1.073.000.000 đồng (một tỷ không trăm bảy mươi ba triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án mặt dù ông Khánh, bà Hạnh đều vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến của mình, nhưng tại Biên bản hòa giải ngày 13/9/2024 của tổ hòa giải khu phố Minh Lạc, thị trấn Minh Lương, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, bà Hạnh có trình bày như sau: *"Tôi thừa nhận số tiền là 1.073.000.000 đồng, số tiền này không tính lãi, hiện nay tôi đang bệnh chưa có khả năng trả khi hết bệnh khoảng 02 tháng tôi đi làm được thì tôi trả 01 tháng 3.000.0000 đồng"*.

Ngoài ra, tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 18/02/2025 đối với ông Danh Thành Sơn là thư ký ghi biên bản hòa giải ngày 13/9/2024 của tổ hòa giải khu phố Minh Lạc có trình bày như sau: *"bà Nguyễn Thị Hạnh trình bày bà thừa nhận còn bà Nâu số tiền là 1.073.000.000 đồng, nhưng không có khả năng trả, chỉ đồng ý trả 01 tháng 3.000.000 đồng"*. Từ đó, hội đồng xét xử nhận thấy, việc nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 1.073.000.000 đồng tại biên bản hòa giải ngày

13/9/2024. Do đó, trường hợp này thuộc những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên HĐXX ghi nhận việc bà Nâu và bà Hạnh thống nhất số tiền bà Hạnh còn nợ bà Nâu số tiền gốc 1.073.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu của bà Nâu yêu cầu Tòa án xử buộc cả bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Lâm Quốc K có trách nhiệm trả nợ cho bà N, HĐXX nhận định như sau: Mặt dù tại biên nhận mượn tiền ngày 12/03/2024 và tại Biên bản hòa giải ngày 13/9/2024 của khu phố Minh Lạc chỉ có riêng bà Hạnh thừa nhận và ký tên, nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay ông Lâm Quốc Kh và bà Nguyễn Thị H vẫn là vợ, chồng hợp pháp, hiện đang sinh sống cùng nhau và số nợ này là số nợ hình thành trong thời kỳ hơn nhân của ông Kh, bà H, hơn nữa bà N cũng thừa nhận việc bà cho vay là cho vợ, chồng ông Kh, bà H vay, chứ không phải cho riêng cá nhân bà H vay. Ngoài ra bà N có trình bày khi vay tiền thì bà Hạnh có yêu cầu bà Nâu chuyển tiền cho bà H thông qua tài khoản ngân hàng của ông Lâm Quốc Kh, Tòa án cũng đã thu thập và sao kê tài khoản của ông Khanh tại Ngân hàng và thể hiện bà Nâu có 04 lần chuyển tiền cho bà H thông qua tài khoản của ông Khanh, đề này thể hiện ông Kh có biết việc bà H vay tiền của bà Nâu nhưng không ý kiến. Nên để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự, cần phải buộc ông Lâm Quốc Khá có trách nhiệm liên đới cùng với bà Nguyễn Thị Hạnh trả nợ cho bà Phạm Thị N là phù hợp.

[3] - Về yêu cầu tính lãi suất: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị N xác định không yêu cầu xem xét và bà N xin rút đối với yêu cầu khởi kiện nên căn cứ vào điểm c, khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của bà N. Từ những phân tích trên HĐXX cần xử buộc bà Nguyễn Thị H và ông Lâm Quốc Kh có trách nhiệm trả nợ gốc cho bà Phạm Thị N số tiền là 1.073.000.000 đồng.

Trường hợp ông Kh và bà H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, buộc bị đơn ông Lâm Quốc Kh, bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu án phí với số tiền là 36.000.000đồng + 3% x 273.000.000 đồng = 44.190.000 đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi ngàn đồng). Bà Phạm Thị N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 23.800.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005793 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 92, Điều 147; điểm c, khoản 1 Điều 217; Điều 227; Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N.

Xử:

1. Buộc ông Lâm Quốc Khanh và bà Nguyễn Thị H cùng có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho bà nâu số tiền vay gốc 1.073.000.000đ (một tỷ không trăm bảy mươi ba ngàn đồng), bà Nâu không yêu cầu tính lãi suất nên HĐXX không xem xét.

Địa điểm giao nhận tiền trả nợ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N đối với phần yêu cầu tính lãi suất số tiền là 107.300.000đ (một trăm lẻ bảy triệu ba trăm ngàn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc đồng bị đơn ông Lâm Quốc Kh và bà Nguyễn Thị H phải liên đới chịu án phí với số tiền là 44.190.000 đồng (bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi ngàn đồng). Nguyên đơn bà Phạm Thị N không phải chịu án phí, bà nâu được nhận lại số tiền 23.800.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005793 ngày 08/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;*
- *Chi cục THADS huyện Châu Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Danh Pì Sách